TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/DS-ST;
Ngày: 05/4/2019;
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản ".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Hằng**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Dương Kim Cương**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 504/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-ST ngày 27/02/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Hồ Văn A -** sinh năm 1972;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:* **Trần Thị Kim B - sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Huỳnh Thị C - sinh năm 1944;

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(Ông A có mặt, bà B và bà C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2018, nguyên đơn ông Hồ Văn A trình bày: Vào ngày 13/8/2015, chị Trần Thị Kim B có vay của ông A số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Khi vay tiền chị B có viết biên nhận và ký tên vào biên nhận cho ông; đồng thời bà Huỳnh Thị C là mẹ ruột của chị B cũng có ký tên phía dưới tên của chị B. Sau khi nhận tiền vay, chị B không đóng lãi cho ông, khi đến hạn trả vốn vào ngày 13/01/2016, chị B cũng không trả vốn lại cho ông mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả tiền.

Nay ông yêu cầu chị Trần Thị Kim B trả cho ông số tiền vốn là 40.000.000 đồng cộng với tiền lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày khởi kiện là 11.952.000 đồng, tổng cộng là 51.952.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn bà Trần Thị Kim B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa ông A yêu cầu bà B trả cho ông A số tiền vốn là 40.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/8/2015 đến ngày xét xử với lãi 0,83%/tháng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Hồ Văn A khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Kim B trả cho ông A số tiền vay vào năm 2015 là 40.000.000 đồng cộng với tiền lãi, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Bà B và bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà B và bà C.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của ông A, Tòa xét thấy: Căn cứ vào biên nhận đề ngày 13/8/2015 do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà B thể hiện bà B có vay của ông A số tiền là 40.000.000 đồng. Theo biên nhận thì ông A cho bà B vay trong hạn 03 tháng, khi đến hạn trả nợ ông A đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán nợ nhưng bà B không trả nợ. Do đó việc bà B vay tiền của ông A nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, nên yêu cầu khởi kiện của ông A là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[4] Về phần lãi suất: Căn cứ vào biên nhận vay tiền có cơ sở xác định ông A cho bà B vay với lãi suất 3%/tháng, ông A cho rằng từ khi vay tiền đến nay bà B không đóng lãi. Xét thấy, tại phiên tòa cũng như trong quá trình giải quyết vụ án ông A yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 476 BLDS năm 2005 nên Tòa án chấp nhận. Như vậy, từ ngày 13/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là 03 năm 7 tháng 15 ngày (tính tròn) là 40.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 03 năm 8 tháng 15 ngày = 14.774.000 đồng.

Cộng chung vốn gốc và lãi suất: 40.000.000 đồng + 14.774.000 đồng = 54.774.000 đồng.

[5] Bà B vắng mặt và không đưa ra chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí do yêu cầu của ông A được chấp nhận toàn bộ nên bà B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn A đối với bà Trần Thị Kim B.

Buộc bà Trần Thị Kim B có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn A số tiền vốn là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 14.774.000 đồng, tổng cộng là 54.774.000 đồng (Năm mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị Kim B phải chịu 2.738.700 đồng (Hai triệu bảy trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; riêng đối với bà B, bà C thời hạn trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Cao Thị Thu Thủy

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.